

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020**

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	14 - 40
8. Phụ lục	41 - 43

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bê tông 6 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Bê tông 6 (tiền thân là Công ty Cổ phần Bê tông 620 Châu Thới) là doanh nghiệp được cổ phần hoá từ doanh nghiệp Nhà nước – Công ty Bê tông 620 theo Quyết định số 41/2000/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700364079 (số cũ 4603000013), đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2001 và đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 12 tháng 05 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Km 1877 quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương
- Điện thoại : +84 (0274) 357 1617 – 375 0650
- Fax : +84 (0274) 375 1628

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất và lắp ghép cầu kiện bê tông đúc sẵn (dầm, cọc..);
- Gia công và sửa chữa các dụng cụ, máy móc thiết bị cơ khí dùng cho ngành xây dựng;
- Đầu tư thi công cầu cống, đường giao thông và các hạng mục liên quan đến công trình đường bộ, đường sắt;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Đào đắp, san lấp mặt bằng công trình;
- Thi công ép cọc, khoan cọc nhồi, xử lý nền móng công trình;
- Dịch vụ vận chuyển sản phẩm bê tông thương, bê tông tươi và bê tông siêu tương (chỉ hoạt động khi đáp ứng các quy định pháp luật về vận tải);
- Thiết kế công trình xây dựng giao thông (cầu, đường bộ);
- Thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Thiết kế máy móc và thiết bị (trừ phương tiện vận tải);
- Kiểm tra thành phần và độ tinh khiết của khoáng chất;
- Kiểm tra thành phần vật lý và hiệu suất của vật liệu;
- Kiểm tra chất lượng và độ tin cậy;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc cho thuê (thực hiện theo quy hoạch của tỉnh);
- Công ty phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:



CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Phạm Văn Hiên	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 01 năm 2019 Miễn nhiệm ngày 05 tháng 02 năm 2021
Ông Trịnh Thanh Huy	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 02 năm 2021
Ông Nguyễn Ngọc Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 01 năm 2019 Miễn nhiệm ngày 05 tháng 02 năm 2021
Ông Trịnh Thanh Huy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 9 năm 2009 Miễn nhiệm ngày 05 tháng 02 năm 2021
Ông Sergei Savrukhin	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 02 năm 2017 Miễn nhiệm ngày 06 tháng 8 năm 2020
Ông Nguyễn Trọng Nghĩa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 5 năm 2018 Miễn nhiệm ngày 05 tháng 02 năm 2021
Ông Nguyễn Quang Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 8 năm 2020
Ông Lê Nguyễn Phương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 02 năm 2021

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Bùi Thọ Quỳnh Hương	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2018
Bà Phạm Thị Hằng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2018
Bà Phạm Thị Khánh Trang	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2018

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Lê Nguyễn Phương	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 9 năm 2019
Ông Nghiêm Hải Anh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 12 năm 2019 Miễn nhiệm ngày 22 tháng 7 năm 2020

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Nguyễn Phương – Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 23 tháng 9 năm 2019).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thầy mất Hội

**CÔNG TY
CỔ PHẦN
BETON 6**

M.S.D.N : 37081079 - C.T.C.P
TP. DĨ AN - T. BÌNH DƯƠNG

Ngày 04 tháng 6 năm 2021



Số: 1.1135/21/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Bê T on 6 (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 01 tháng 6 năm 2021, từ trang 07 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các nguyên tắc của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện, trong phạm vi các nguyên tắc này có thể được áp dụng cho công việc soát xét thông tin tài chính quá khứ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Chúng tôi chưa thu thập được các bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp liên quan đến các vấn đề sau:

- Số dư của một số khoản công nợ có giá trị theo sổ sách tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 như sau:

- Phải thu khách hàng	141.739.506.603 VND
- Trả trước cho người bán ngắn hạn	69.574.268.234 VND
- Phải trả người bán ngắn hạn	54.647.059.337 VND
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn	32.503.721.048 VND
- Khả năng thu hồi các khoản công nợ phải thu quá hạn thanh toán và các khoản ứng trước cho nhà cung cấp tồn lâu với số tiền theo sổ sách lần lượt là 98.554.780.592 VND và 68.333.282.967 VND cũng như số dự phòng cần phải trích lập cho các nợ phải thu quá hạn này, nếu có.



- Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho chậm luân chuyển bao gồm nguyên vật liệu, chi phí sản xuất dở dang, thành phẩm và hàng hóa tồn lâu có giá trị theo sổ sách là 78.459.267.476 VND.
- Ngày 09 tháng 12 năm 2019 Công ty đã có đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản gửi Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương do Công ty đã bị mất khả năng thanh toán và không có khả năng để thanh toán những khoản nợ đến hạn cho các chủ nợ là các tổ chức tín dụng và nhà cung cấp, đối tác. Ngày 16 tháng 01 năm 2020, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã có Quyết định số 01/2020/QĐ-MTTPS về việc mở thủ tục phá sản đối với Công ty Cổ phần Beton 6 theo yêu cầu mở thủ tục phá sản từ Công ty. Tuy nhiên, Công ty chưa thực hiện đánh giá lại toàn bộ tài sản và nợ phải trả theo quy định và chưa thực hiện lập báo cáo theo nguyên tắc lập và trình bày Báo cáo tài chính của doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục. Với các bằng chứng hiện có tại Công ty, chúng tôi chưa thể đánh giá được giá trị của tài sản và nợ phải trả tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 theo đúng quy định của Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

Từ chối đưa ra kết luận

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính đính kèm.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến các vấn đề sau:

- Hiện nay, Công ty không thể sử dụng hóa đơn theo Quyết định số 9579/QĐ-CT của Cục thuế tỉnh Bình Dương ngày 19 tháng 12 năm 2019 về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng do không chấp hành thông báo tiền thuế nợ, tiền phạt và tiền phạt chậm nộp số 61200/TB-CT ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Cục thuế tỉnh Bình Dương. Công ty tiếp tục được sử dụng các hóa đơn tương ứng với việc thanh toán khoản nợ thuế (xem thuyết minh số V.16 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính);
- Công ty đã ghi nhận khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần 3D bằng việc cần trừ công nợ phải thu từ Hợp đồng hợp tác đầu tư số 11/HDTDT/BT6-TV ngày 11 tháng 11 năm 2014 với Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Phát triển Tân Việt và công nợ cá nhân Ông Vũ Đức Lợi số tiền là 118.460.048.000 VND, đồng thời dự phòng 100% cho khoản đầu tư này do đánh giá không có khả năng thu hồi khoản đầu tư này từ tài sản thuần hiện có của Công ty Cổ phần 3D (xem thuyết minh số V.12 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính);
- Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314174864 ngày 28 tháng 12 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây dựng và Kỹ thuật H&B 200.000.000.000 VND, tương đương 44,44% vốn điều lệ bằng hiện vật (tài sản) thuộc quyền sở hữu của Công ty với giá trị còn lại của tài sản góp vốn là 5.698.603.082 VND và theo giá trị định giá lại tại thời điểm góp vốn là 200.000.000.000 VND (xem thuyết minh số V.12 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính). Hiện Công ty vẫn chưa thực hiện các thủ tục để chuyển quyền sở hữu các tài sản góp vốn cho bên nhận vốn góp.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Hồ Văn Tùng - Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0092-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 6 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊTÔNG 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		357.814.089.049	525.765.031.350
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.828.315.102	1.832.909.261
1. Tiền	111		1.223.745.115	1.240.010.516
2. Các khoản tương đương tiền	112		604.569.987	592.898.745
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		246.682.070.014	408.796.673.613
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	349.681.161.816	364.207.964.208
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	72.477.890.503	72.460.790.158
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	75.166.947.757	75.166.947.757
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	61.340.688.033	60.745.467.153
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(311.984.618.095)	(163.784.495.663)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		108.318.077.169	115.125.982.482
1. Hàng tồn kho	141	V.7	111.825.348.559	118.633.253.872
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(3.507.271.390)	(3.507.271.390)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		985.626.764	9.465.994
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	976.160.770	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	9.465.994	9.465.994
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

0449

ÔNG

NHIỆM

ĐẢN VÀ

&

T.P.H

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		360.018.591.925	364.824.436.101
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.361.224.288	1.361.224.288
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	1.361.224.288	1.361.224.288
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		113.619.627.412	117.972.956.110
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	106.599.942.828	109.830.557.058
- Nguyên giá	222		185.014.880.696	185.014.880.696
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(78.414.937.868)	(75.184.323.638)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	7.019.684.584	8.142.399.052
- Nguyên giá	225		14.914.541.702	14.914.541.702
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(7.894.857.118)	(6.772.142.650)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		8.993.791.207	8.993.791.207
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	8.993.791.207	8.993.791.207
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		232.962.456.509	233.202.456.509
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.12	118.460.048.000	118.460.048.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.12	201.050.000.000	201.050.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.12	34.880.800.000	34.880.800.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.12	(121.428.391.491)	(121.188.391.491)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.081.492.509	3.294.007.987
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	3.081.492.509	3.294.007.987
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.13	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		717.832.680.974	890.589.467.451

15-C
 TỶ
 HỮU HẠ
 TƯ VẤN
 C
 ĐƠN

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		935.397.314.080	913.298.738.265
I. Nợ ngắn hạn	310		934.451.167.640	911.568.248.595
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	131.840.531.066	150.486.908.102
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	46.609.342.883	45.291.147.405
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	19.036.249.013	17.177.949.690
4. Phải trả người lao động	314	V.17	2.458.021.262	2.674.437.645
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	14.104.321.883	15.108.660.466
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a,b	367.936.870.126	328.702.677.093
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a, c	350.319.106.399	349.944.696.868
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	2.146.725.008	2.181.771.326
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		946.146.440	1.730.489.670
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b, c	946.146.440	1.730.489.670
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(217.564.633.106)	(22.709.270.814)
I. Vốn chủ sở hữu	410		(217.564.633.106)	(22.709.270.814)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.22	329.935.500.000	329.935.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		329.935.500.000	329.935.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.22	(559.957.325)	(559.957.325)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.22	72.523.342.462	72.523.342.462
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.22	(619.463.518.243)	(424.608.155.951)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối				
o lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(424.608.155.951)	(424.608.155.951)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(194.855.362.292)	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		717.832.680.974	890.589.467.451

Bình Dương, ngày 01 tháng 6 năm 2021


 Nguyễn Thị Ngọc Trâm
 Kế toán trưởng/Người lập


 Lê Nguyễn Phương
 Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN BETON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	41.416.959.464	22.060.298.967
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		41.416.959.464	22.060.298.967
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	54.599.913.718	30.332.152.124
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(13.182.954.254)	(8.271.853.157)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	654.864.903	664.929.550
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	26.052.667.862	26.064.097.367
Trong đó: chi phí lãi vay	23		25.812.667.862	26.064.097.367
8. Chi phí bán hàng	25		-	96.252.182
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	154.118.145.850	6.271.724.559
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(192.698.903.063)	(40.038.997.715)
11. Thu nhập khác	31	VI.6	58.321	4.000.000.000
12. Chi phí khác	32	VI.7	2.156.517.550	381.162.455
13. Lợi nhuận khác	40		(2.156.459.229)	3.618.837.545
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(194.855.362.292)	(36.420.160.170)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.13	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(194.855.362.292)	(36.420.160.170)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9a,b	(5.922)	(1.107)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9a,b	(5.922)	(1.107)


 Nguyễn Thị Ngọc Trâm
 Kế toán trưởng/Người lập



Bình Dương, ngày 01 tháng 6 năm 2021


 Lê Nguyễn Phương
 Tổng Giám đốc

5004
 CÔP
 CH NH
 A TOÁ
 A
 VH-

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(194.855.362.292)	(36.420.160.170)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8,9	4.353.328.698	4.341.262.964
- Các khoản dự phòng	03	V.6,12	148.440.122.432	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, 8	(654.864.903)	(440.045.580)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	25.812.667.862	26.064.097.367
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(16.904.108.203)	(6.454.845.419)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		14.549.357.834	17.013.644.335
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		6.807.905.313	2.903.483.438
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(3.125.557.328)	(10.174.993.645)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(763.645.292)	100.516.958
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.18, 19; VI.4	(143.554.702)	1.350.629.603
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(35.046.318)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		385.351.304	4.738.435.270
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	181.818.182
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(3.900.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	3.900.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(800.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		19.988.236	1.784.551
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		19.988.236	(616.397.267)

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.20a	7.007.000.000	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20a	(7.416.933.699)	(2.455.180.094)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.20a,b	-	(1.652.344.764)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(409.933.699)	(4.107.524.858)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(4.594.159)	14.513.145
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	1.832.909.261	1.939.657.880
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	1.828.315.102	1.954.171.025

Nguyễn Thị Ngọc Trâm
Kế toán trưởng/Người lập



Bình Dương, ngày 01 tháng 6 năm 2021

Lê Nguyễn Phương
Tổng Giám đốc

815.C.
TY
HỮU HẠ
À TỰ VÃ
C
HỒ CHÍ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 182 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 180 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.



CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

100
CỔ
PHẦN
TỔNG
A
1/1

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊTÔN 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

44
NG
HIỆN
IN
&
T.P

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊTÔNG 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí sửa chữa và chi phí chuyển giao công nghệ bê tông cốt thép. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa bao gồm: chi phí sửa chữa nhà xưởng, sửa chữa nồi trộn bê tông, chi phí trang trí nội thất. Các chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 02 đến 05 năm.

Chi phí chuyển giao công nghệ bê tông cốt thép

Chi phí chuyển giao công nghệ bê tông cốt thép được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 240 tháng.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

815-C
TY
HỮU H
TƯ V
C
HỒ CHÍ

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊTÔNG 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 08

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.



CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

13. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

14. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hóa là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.



CÔNG TY CỔ PHẦN BÊTÔNG 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

15. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ có khoản giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh giảm giá hàng bán thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

500
CỔ
PHẦN
TỔNG
A
/H

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	2.520.000	5.162.013
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.221.225.115	1.234.848.503
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	604.569.987	592.898.745
Cộng	1.828.315.102	1.832.909.261

Tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Phương Đông Việt Nam – Chi nhánh Phú Lâm có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 882.052.981 VND (số đầu năm là 881.622.951 VND) chỉ có thể giao dịch cho các nghiệp vụ liên quan đến Công trình Cầu Ông Buồng.

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	72.011.893.790	72.011.893.790
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp	5.663.929.369	5.663.929.369
Công ty Cổ phần Balance holding	670.041.556	795.808.195
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây Dựng Công Nghiệp tại Tây Ninh	795.808.195	670.041.556
Công ty TNHH MTV 3D - Long Hậu	64.882.114.670	64.882.114.670
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	277.669.268.026	292.196.070.418
Công ty Cổ phần Xây dựng 620 Bến Tre	1.531.194.602	1.531.194.602
Phải thu các khách hàng khác	276.138.073.424	290.664.875.816
Cộng	349.681.161.816	364.207.964.208

449815
NG TY
HIỆM HỮU
AN VÀ TƯ
& C
T.P HỒC

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản phải thu khách hàng với số tiền là 57.912.483.419 VND và 70.349.700.883 VND đang được thế chấp lần lượt tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để đảm bảo cho các khoản vay (xem thuyết minh V.20a)

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<i>1.343.058.697</i>	<i>1.343.058.697</i>
Công ty Cổ phần Xây dựng Đầu tư HB	111.378	111.378
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp	1.342.947.319	1.342.947.319
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>71.134.831.806</i>	<i>71.117.731.461</i>
Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng và Xi măng HB	55.000.000.000	55.000.000.000
Các nhà cung cấp khác	16.134.831.806	16.117.731.461
Cộng	72.477.890.503	72.460.790.158

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Cho bên liên quan vay</i>	<i>75.066.947.757</i>	<i>75.066.947.757</i>
Cho Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp vay ⁽ⁱ⁾	16.100.000.000	16.100.000.000
Cho Công ty TNHH MTV 3D - Long Hậu vay ⁽ⁱⁱ⁾	58.866.947.757	58.866.947.757
Công ty Cổ phần Balance holding	100.000.000	100.000.000
<i>Cho các tổ chức khác vay</i>	<i>100.000.000</i>	<i>100.000.000</i>
Cho Công ty Cổ phần Xây dựng 620 - Bến Tre mượn	100.000.000	100.000.000
Cộng	75.166.947.757	75.166.947.757

(i) Cho vay bổ sung vốn lưu động và phục vụ sản xuất kinh doanh với lãi suất 7,8%/năm, thời hạn vay từ 01 đến 03 tháng.

(ii) Khoản cho Công ty TNHH MTV 3D – Long Hậu vay đã được lập dự phòng 100%.

5. Phải thu khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>41.417.032.557</i>	<i>(29.689.153.515)</i>	<i>40.782.155.890</i>	<i>(29.689.153.515)</i>
Công ty TNHH MTV 3D Long Hậu - lãi dự thu tiền cho vay	29.689.153.515	(29.689.153.515)	29.689.153.515	(29.689.153.515)
Ông Nguyễn Ngọc Dũng – tiền tạm ứng	4.832.290.818	-	4.832.290.818	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp - lãi vay phải thu	6.087.091.930	-	5.452.215.263	-
Công ty Cổ phần Xây dựng & Kỹ thuật H&B - ký quỹ thuê văn phòng	808.496.294	-	808.496.294	-



CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	19.923.655.476	(2.196.504.179)	19.963.311.263	(2.196.504.179)
Công ty Cổ phần Xây dựng 620 Bến Tre - vay hộ và cổ tức phải thu	2.196.504.179	(2.196.504.179)	2.196.504.179	(2.196.504.179)
Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng và Xi măng HB - phải thu tiền chuyển nhượng cổ phần	1.805.200.000	-	1.805.200.000	-
Phải thu chuyển nhượng cổ phần	8.000.000.000	-	8.000.000.000	-
Tạm ứng	5.137.202.929	-	4.891.364.177	-
Phải thu lãi cho vay	106.490.336	-	106.490.336	-
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	382.200.000	-	382.200.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	2.296.058.032	-	2.581.552.571	-
Cộng	61.340.688.033	(31.885.657.694)	60.745.467.153	(31.885.657.694)

5b. Phải thu dài hạn khác

Khoản ký quỹ hợp đồng thuê tài chính, đặt cọc thuê container và các khoản đặt cọc khác.

6. Nợ quá hạn

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH MTV 3D - Long Hậu - phải thu tiền bán hàng				Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	50.648.576.999	50.648.576.999
	Quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	50.648.576.999	-			
	Quá hạn trên 3 năm	14.233.537.671	-	Quá hạn trên 3 năm	14.233.537.671	14.233.537.671
Công ty TNHH MTV 3D - Long Hậu - cho vay	Quá hạn trên 3 năm	58.866.947.757	-	Quá hạn trên 3 năm	58.866.947.757	-
Công ty TNHH MTV 3D - Long Hậu - phải thu lãi cho vay	Quá hạn trên 3 năm	29.689.153.515	-	Quá hạn trên 3 năm	29.689.153.515	-
Ông Trần Nguyên Vũ - phải thu chuyển nhượng cổ phần	Quá hạn trên 3 năm	33.012.400.000	33.012.400.000	Quá hạn trên 3 năm	33.012.400.000	33.012.400.000
Phải thu cho vay và lãi vay	Quá hạn trên 3 năm	2.296.504.179	-	Quá hạn trên 3 năm	2.296.504.179	-
Phải thu các khách hàng khác về tiền bán hàng	Quá hạn từ dưới 6 tháng đến trên 3 năm	195.610.810.099	100.224.333.424	Quá hạn từ dưới 6 tháng đến trên 3 năm	183.516.343.019	110.584.452.807
Công ty TNHH Đầu tư hạ tầng và xi măng HB - ứng trước cho người bán	Không có khả năng thu hồi	55.000.000.000	55.000.000.000			



CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp - cho vay	Không có khả năng thu hồi	16.100.000.000	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp - lãi vay	Không có khả năng thu hồi	6.087.091.930	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp - phải thu khách hàng	Không có khả năng thu hồi	5.663.929.369	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp - phải thu	Không có khả năng thu hồi	30.094.416.593	30.094.416.593	-	-	-
Cộng		497.303.368.112	185.318.750.017		372.263.463.140	208.478.967.477

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	163.784.495.663	164.741.428.611
Dự phòng trong kỳ	148.200.122.432	-
Số cuối kỳ	311.984.618.095	164.741.428.611

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	11.441.317.727	(1.192.465.184)	7.393.397.081	(1.192.465.184)
Công cụ, dụng cụ	63.567.089	-	36.784.222	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	31.185.997.514	-	50.957.724.809	-
Thành phẩm	54.964.601.031	(2.314.806.206)	45.677.136.678	(2.314.806.206)
Hàng hóa	14.169.865.198	-	14.568.211.082	-
Cộng	111.825.348.559	(3.507.271.390)	118.633.253.872	(3.507.271.390)

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	39.000.001	-
Chi phí tiền thuê đất	937.160.769	-
Cộng	976.160.770	-

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa	186.666.674	293.323.342
Chi phí chuyển giao công nghệ bê tông cốt thép	2.892.450.000	2.997.630.000
Chi phí bảo hiểm	2.375.835	3.054.645
Cộng	3.081.492.509	3.294.007.987

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊTÔNG 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	114.033.729.250	60.998.980.627	7.871.657.313	2.110.513.506	185.014.880.696
Số cuối kỳ	<u>114.033.729.250</u>	<u>60.998.980.627</u>	<u>7.871.657.313</u>	<u>2.110.513.506</u>	<u>185.014.880.696</u>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng					
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	9.383.270.507	56.059.187.888	7.634.518.415	2.107.346.828	75.184.323.638
Khấu hao trong kỳ	2.243.396.506	907.504.738	43.083.334	1.583.334	3.195.567.912
Khấu hao tài sản hình thành từ quỹ phúc lợi	35.046.318	-	-	-	35.046.318
Số cuối kỳ	<u>11.661.713.331</u>	<u>56.966.692.626</u>	<u>7.677.601.749</u>	<u>2.108.930.162</u>	<u>78.414.937.868</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	104.650.458.743	4.939.792.739	237.138.898	3.166.678	109.830.557.058
Số cuối kỳ	<u>102.372.015.919</u>	<u>4.032.288.001</u>	<u>194.055.564</u>	<u>1.583.344</u>	<u>106.599.942.828</u>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Tài sản cố định hữu hình là máy móc thiết bị có giá trị còn lại theo sổ sách là 1.860.907.933 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh V.20a).

10. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	2.498.685.762	12.415.855.940	14.914.541.702
Số cuối kỳ	<u>2.498.685.762</u>	<u>12.415.855.940</u>	<u>14.914.541.702</u>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Chờ thanh lý	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.272.615.267	5.499.527.383	6.772.142.650
Khấu hao trong kỳ	217.811.430	904.903.038	1.122.714.468
Số cuối kỳ	<u>1.490.426.697</u>	<u>6.404.430.421</u>	<u>7.894.857.118</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	1.226.070.495	6.916.328.557	8.142.399.052
Số cuối kỳ	<u>1.008.259.065</u>	<u>6.011.425.519</u>	<u>7.019.684.584</u>
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊTÔN 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hạng mục mở rộng sân bãi	8.586.545.434	8.586.545.434
Hạng mục dự án nhà Châu Thới	407.245.773	407.245.773
Cộng	8.993.791.207	8.993.791.207

12. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

	Giá gốc	Số cuối kỳ Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Số đầu năm Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào						
<i>Công ty con</i>	<i>118.460.048.000(118.460.048.000)</i>			<i>118.460.048.000(118.460.048.000)</i>		
Công ty Cổ phần 3D ⁽ⁱ⁾	118.460.048.000(118.460.048.000)			118.460.048.000(118.460.048.000)		
Đầu tư vào						
<i>công ty liên kết</i>	<i>201.050.000.000 (1.076.755.517)</i>			<i>201.050.000.000 (1.076.755.517)</i>		
Công ty Cổ phần Xây dựng và Kỹ thuật H&B ⁽ⁱⁱ⁾	200.000.000.000 (1.076.755.517)	198.923.244.483		200.000.000.000 (1.076.755.517)	198.923.244.483	
Công ty Cổ phần Beton 6 – Pro ⁽ⁱⁱⁱ⁾	1.050.000.000	-		1.050.000.000	-	
Đầu tư góp						
<i>vốn vào đơn vị khác</i>	<i>34.880.800.000 (1.891.587.974)</i>			<i>34.880.800.000 (1.651.587.974)</i>		
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu & Xây dựng công trình (Tranimexco)	2.050.000.000 (1.675.000.000)	375.000.000		2.050.000.000 (1.435.000.000)	615.000.000	
Công ty Cổ phần Balance Holding ^(iv)	32.830.800.000 (216.587.974)	32.614.212.026		32.830.800.000 (216.587.974)	32.614.212.026	
Cộng	354.390.848.000(121.428.391.491)			354.390.848.000(121.188.391.491)		

(i) Công ty đã mua 8.071.432 cổ phiếu của Công ty Cổ phần 3D – Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302407923 với giá mua là 118.460.048.000 VND bằng việc cần trừ công nợ phải thu từ Hợp đồng hợp tác đầu tư số 11/HDTDT/BT6-TV ngày 11 tháng 11 năm 2014 với Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Phát triển Tân Việt và công nợ cá nhân Ông Vũ Đức Lợi. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 8.071.432 cổ phiếu, tương đương 67,26% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần 3D. Công ty đã dự phòng 100% cho khoản đầu tư này do đánh giá không có khả năng thu hồi từ tài sản thuần hiện có của Công ty Cổ phần 3D.

(ii) Theo thỏa thuận cổ đông sáng lập ngày 27 tháng 12 năm 2016 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314174864 ngày 28 tháng 12 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây dựng và Kỹ thuật H&B 200.000.000.000 VND, tương đương 44,44% vốn điều lệ bằng hiện vật (tài sản) thuộc quyền sở hữu của Công ty theo giá trị định giá tại thời điểm ký Biên bản là 200.000.000.000 VND.

815-
TY
HỮU
TƯ
C
HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊTÔN 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702772228 đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 5 năm 2019 đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 22 tháng 04 năm 2020 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Beton 6 - Pro 1.050.000.000 VND, tương đương 35% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 1.050.000.000 VND, tương đương 35% vốn điều lệ.
- (iv) Công ty đã mua 1.250.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Balance Holding với giá mua là 32.830.800.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 1.250.000 cổ phiếu, tương đương 13,94% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Balance holding.

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên kết

Công ty Cổ phần 3D hiện đã ngưng hoạt động. Các công ty con và công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	121.188.391.491	119.895.048.000
Dự phòng trong năm	240.000.000	-
Số cuối kỳ	121.428.391.491	119.895.048.000

Giao dịch với các công ty liên kết

Các giao dịch giữa Công ty với công ty liên kết và như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Xây dựng và Kỹ thuật H&B		
Mua dịch vụ quản lý	-	254.968.962
Công ty Cổ phần Beton 6 – Pro		
Lãi vay	120.732.000	-

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế với số tiền là 688.343.745.175 VND.

Chi tiết lỗ tính thuế chưa ghi nhận như sau:

Năm 2017	89.579.525.559
Năm 2018	322.384.198.348
Năm 2019	81.524.658.976
6 tháng đầu năm 2020	194.855.362.292
Cộng	688.343.745.175

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả bên liên quan	2.097.222.475	2.397.222.475
Công ty Cổ phần Xây dựng & Kỹ thuật H&B	2.097.222.475	2.397.222.475
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	129.743.308.591	148.089.685.627
Công ty Cổ phần Công Nghệ Việt Ân	11.866.934.786	11.866.934.786
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoàng Mã	1.093.312.329	1.093.312.329
Các nhà cung cấp khác	116.783.061.476	135.129.438.512
Cộng	131.840.531.066	150.486.908.102

Công ty có khoản phải trả người bán ngắn hạn với số tiền 43.265.151.403 VND đã quá hạn thanh toán và đang có tranh chấp.

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước của bên liên quan	9.669.837.270	9.669.837.270
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp	9.669.837.270	9.669.837.270
Trả trước của các khách hàng khác	36.939.505.613	35.621.310.135
Tổng công ty Đầu tư Phát triển và Quản lý Dự án Hạ tầng Giao thông Cửu Long	7.530.880.117	7.530.880.117
Ban Quản Lý Dự Án Nâng cấp Đô thị Thành phố Cao Lãnh	4.996.646.467	4.996.646.467
Trả trước của các khách hàng khác	24.411.979.029	23.093.783.551
Cộng	46.609.342.883	45.291.147.405

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong kỳ</u>		<u>Số cuối kỳ</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa (*)	11.273.939.826	-	1.261.237.416	(1.500.000.000)	11.035.177.242	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.326.300	-	-	-	1.326.300
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	8.139.694	-	-	-	8.139.694
Thuế thu nhập cá nhân	1.781.045.259	-	217.605.672	-	1.998.650.931	-
Tiền thuê đất	4.122.964.605	-	1.874.321.535	-	5.997.286.140	-
Các loại thuế khác	-	-	8.134.700	(3.000.000)	5.134.700	-
Cộng	17.177.949.690	9.465.994	3.361.299.323	(1.503.000.000)	19.036.249.013	9.465.994

Ngày 19 tháng 12 năm 2019 Công ty đã nhận được Quyết định số 9579/QĐ-CT của Cục thuế tỉnh Bình Dương về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng để thi hành thông báo tiền thuế nợ, tiền phạt và tiền phạt chậm nộp số 61200/TB-CT ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Cục thuế tỉnh Bình Dương. Quyết định này có hiệu lực thi hành thời hạn 01 năm, kể từ ngày 23 tháng 12 năm 2019 đến 22 tháng 12 năm 2020. Công ty tiếp tục được sử dụng các hóa đơn tương ứng với việc thanh toán khoản nợ thuế

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

-	Thi công công trình cho các dự án ODA	Không chịu thuế
-	Sản phẩm bê tông, công trình xây dựng và dịch vụ vận chuyển	10%
-	Hàng hóa khác	05% - 10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(194.855.362.292)	(36.420.160.170)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	152.350.000
Thu nhập tính thuế	(194.855.362.292)	(36.267.810.170)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 221.577,20 m² đất đang sử dụng tại Km 1877 Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương với mức 8.459 VND/m².

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

17. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 6 năm 2020 còn phải trả cho người lao động.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	929.961.878	929.961.878
Công ty Cổ phần Xây dựng & Kỹ thuật H&B - lãi vay phải trả	747.890.645	747.890.645
Công ty Cổ phần xây dựng đầu tư HB – lãi vay phải trả	182.071.233	182.071.233
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	13.174.360.005	14.178.698.588
Chi phí lãi vay	434.903.578	314.171.578
Chi phí công trình	12.622.005.427	13.760.359.010
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	117.451.000	104.168.000
Cộng	14.104.321.883	15.108.660.466

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

19. Phải trả khác**19a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>1.191.037.682</i>	<i>991.037.682</i>
Công ty Cổ phần Xây dựng Đầu tư HB - chi phí lãi vay	39.433.333	39.433.333
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp - chi phí lãi vay	697.289.016	697.289.016
Công ty Cổ phần Balance holding- chi phí lãi vay	164.315.333	164.315.333
Ông Trịnh Thanh Huy – tiền mượn	290.000.000	90.000.000
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>366.745.832.444</i>	<i>327.711.639.411</i>
Kinh phí công đoàn	437.356.334	432.608.832
Bảo hiểm xã hội	418.430.873	273.683.416
Bảo hiểm y tế	180.244.722	132.775.904
Bảo hiểm thất nghiệp	65.858.033	44.676.037
Cổ tức phải trả	272.532.512	272.532.512
Công ty TNHH Đầu tư HB – phải trả cán trừ từ hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp	194.983.986.667	194.983.986.667
Công ty Italian-Thai Development Public Company Limited	11.994.778.749	1.294.436.277
Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao - tạm nhập cọc ống	4.807.961.757	4.807.961.757
Lãi vay phải trả ngân hàng	134.130.458.695	108.641.227.535
Tiền mượn cá nhân	135.000.000	135.000.000
Khoản lãi phạt do nợ quá hạn phải trả các nhà cung cấp	6.587.762.300	4.997.926.055
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	12.731.461.802	11.694.824.419
Cộng	367.936.870.126	328.702.677.093

19b. Phải trả khác quá hạn chưa thanh toán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Đầu tư HB – phải trả cán trừ từ hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp	194.983.986.667	194.983.986.667
Lãi vay phải trả ngân hàng	134.130.458.695	108.641.227.535
Cộng	329.114.445.362	249.814.108.349

20. Vay và nợ thuê tài chính**20a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả bên liên quan</i>	<i>1.492.000.000</i>	<i>1.720.000.000</i>
Công ty Cổ phần Beton 6 - Pro	1.405.000.000	1.420.000.000
Ông Phạm Văn Hiên	87.000.000	300.000.000

300449
CÔNG
CH NHIỆM
TOÁN V
A &
H - T.P

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>348.827.106.399</i>	<i>348.224.696.868</i>
Vay ngắn hạn ngân hàng	344.660.294.891	344.660.294.891
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	188.119.299.431	188.119.299.431
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾	63.097.934.721	63.097.934.721
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	63.773.415.716	63.773.415.716
Ngân hàng TMCP Quốc Dân ^(iv)	29.669.645.023	29.669.645.023
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	2.300.000.000	1.500.000.000
Ông Trần Thiên Châu	800.000.000	-
Công ty Cổ phần Beton 6 E&C ^(v)	1.500.000.000	1.500.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	1.866.811.508	2.064.401.977
Cộng	350.319.106.399	349.944.696.868

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 1, TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản phải thu khách hàng (xem thuyết minh số V.2).
- (ii) Khoản vay tín chấp Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam để bổ sung vốn lưu động.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản phải thu khách hàng (xem thuyết minh số V.2) và một số tài sản cố định (xem thuyết minh số V.9).
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc Dân để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền đòi nợ đã hình thành hoặc hình thành trong tương lai từ các hợp đồng thi công cung ứng sản phẩm với lãi suất 8,5%/năm.
- (v) Vay tín chấp Công ty Cổ phần Beton 6 E&C để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 7,8%/năm.

Công ty không có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn do Công ty đang gặp khó khăn về tài chính nên chưa có luồng tiền để thanh toán.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn trong kỳ</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn bên liên quan	1.720.000.000	6.207.000.000	-	(6.435.000.000)	1.492.000.000
Vay ngắn hạn ngân hàng	344.660.294.891	-	-	-	344.660.294.891
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	1.500.000.000	800.000.000	-	-	2.300.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	2.064.401.977	-	784.343.230	(981.933.699)	1.866.811.508
Cộng	349.944.696.868	7.007.000.000	784.343.230	(7.416.933.699)	350.319.106.399

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊTÔN 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

20b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nợ thuê tài chính	946.146.440	1.730.489.670
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu ⁽ⁱ⁾	806.289.337	233.095.185
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾	139.857.103	1.497.394.493
Cộng	946.146.440	1.730.489.670

- (i) Vay theo Hợp đồng thuê tài chính của Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Á Châu để thuê mua máy căng lực, máy dập thép PC bar, máy cắt thép PC bar tự động với lãi suất 8,5%/năm, thời hạn vay 60 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 20 tháng 4 năm 2017.
- (ii) Vay theo Hợp đồng thuê tài chính của Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam để thuê mua xe cầu Sany 80 tấn với lãi suất 8,25%/năm, thời hạn vay 60 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu ngày 25 tháng 01 năm 2017.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Tổng nợ</u>	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>
Số cuối kỳ			
Nợ thuê tài chính (bao gồm lãi)	2.975.533.767	2.008.220.071	967.313.696
Cộng	2.975.533.767	2.008.220.071	967.313.696
Số đầu năm			
Nợ thuê tài chính (bao gồm lãi)	4.087.404.387	2.282.719.066	1.804.685.322
Cộng	4.087.404.387	2.282.719.066	1.804.685.322

Chi tiết số phát sinh về khoản nợ thuê tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.730.489.670	4.104.186.880
Số tiền vay đã trả trong kỳ	-	(390.000.000)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn trong kỳ	(784.343.230)	(1.102.770.263)
Số cuối kỳ	946.146.440	2.611.416.617

20c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Khoản gốc vay Ngân hàng ngắn hạn với số tiền 344.660.294.891 VND đã quá hạn thanh toán do Công ty đang gặp khó khăn về tài chính nên chưa có luồng tiền để thanh toán.

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	886.350.519	-	886.350.519
Quỹ phúc lợi	19.981.325	-	19.981.325
Quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản cố định	400.803.769	(35.046.318)	365.757.451
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	874.635.713	-	874.635.713
Cộng	2.181.771.326	(35.046.318)	2.146.725.008



CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

22. Vốn chủ sở hữu**22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	329.935.500.000	(559.957.325)	72.523.342.462	(342.544.141.563)	59.354.743.574
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	(36.420.160.170)	(36.420.160.170)
Số dư cuối kỳ trước	<u>329.935.500.000</u>	<u>(559.957.325)</u>	<u>72.523.342.462</u>	<u>(378.964.301.733)</u>	<u>22.934.583.404</u>
Số dư đầu năm nay	329.935.500.000	(559.957.325)	72.523.342.462	(424.608.155.951)	(22.709.270.814)
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	(194.855.362.292)	(194.855.362.292)
Số dư cuối kỳ này	<u>329.935.500.000</u>	<u>(559.957.325)</u>	<u>72.523.342.462</u>	<u>(619.463.518.243)</u>	<u>(217.564.633.106)</u>

22b. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32.993.550	32.993.550
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	32.993.550	32.993.550
- Cổ phiếu phổ thông	32.993.550	32.993.550
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	88.040	88.040
- Cổ phiếu phổ thông	88.040	88.040
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.905.510	32.905.510
- Cổ phiếu phổ thông	32.905.510	32.905.510
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ**23a. Ngoại tệ các loại**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền và các khoản tương đương tiền của Công ty bao gồm 536.11 USD (số đầu năm là 595.51 USD).

23b. Nợ khó đòi đã xử lý

Công ty có các khoản nợ phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 8.816.109.801 VND (số đầu năm là 8.816.109.801 VND) đã được xóa sổ do không có khả năng thu hồi.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động xây dựng	7.608.422.727	2.118.595
Doanh thu sản phẩm bê tông	30.692.111.233	19.811.582.589
Doanh thu khác	3.116.425.504	2.246.597.783
Cộng	<u>41.416.959.464</u>	<u>22.060.298.967</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Công ty phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp		
Bán cọc	-	4.234.848.736

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hoạt động xây dựng	19.728.766.729	37.727.273
Giá vốn của sản phẩm bê tông	33.816.204.260	29.541.116.464
Giá vốn khác	1.054.942.729	753.308.387
Cộng	54.599.913.718	30.332.152.124

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	19.988.236	1.784.551
Lãi tiền cho vay	634.876.667	663.144.999
Cộng	654.864.903	664.929.550

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	25.812.667.862	26.064.097.367
Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	240.000.000	-
Cộng	26.052.667.862	26.064.097.367

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	3.383.121.494	2.506.141.402
Chi phí vật liệu quản lý	109.030.247	123.859.481
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.583.334	3.166.668
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.612.727	36.794.609
Phí bản quyền công nghệ Segment	-	750.671.400
Dự phòng phải thu khó đòi	148.200.122.432	-
Trợ cấp thôi việc	250.000.000	520.296.897
Tiền thuê đất	937.160.766	712.924.608
Các chi phí khác	1.219.514.850	1.617.869.494
Cộng	154.118.145.850	6.271.724.559

300
CÔ
CH N
TỌA
A
VN-

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊTÔN 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**6. Thu nhập khác**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Khoản nợ không phải trả từ việc thuê kho của Công ty Cổ phần Xây dựng & Kỹ thuật H&B	-	4.000.000.000
Thu nhập khác	58.321	-
Cộng	58.321	4.000.000.000

7. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi phạt nợ quá hạn các nhà cung cấp	1.589.836.245	-
Xử lý số dư công trình không thu hồi được	165.537.870	-
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	-	224.883.970
Phạt nộp chậm BHXH	4.449.978	6.278.485
Các khoản chi phí khác	396.693.457	150.000.000
Cộng	2.156.517.550	381.162.455

8. Lãi trên cổ phiếu**8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông	(194.855.362.292)	(36.420.160.170)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(194.855.362.292)	(36.420.160.170)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	32.905.510	32.905.510
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(5.922)	(1.107)

8b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	22.682.497.738	6.064.668.444
Chi phí nhân công	13.885.412.036	11.555.834.058
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.318.282.380	4.341.262.964
Chi phí dịch vụ mua ngoài	572.978.234	583.388.098
Chi phí khác	156.419.240.920	12.422.787.081
Cộng	197.878.411.308	34.967.940.645

449

NG

HIỆM

NV

&

T.P

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có giao dịch mượn tiền các thành viên Hội đồng quản trị với số tiền là 200.000.000 VND (số kỳ trước là 790.000.000 VND).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.5a và V.20a.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong kỳ chỉ có tiền lương với số tiền là 890.000.000 VND (số cùng kỳ năm trước 343.238.753 VND).

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần 3D	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây dựng và Kỹ thuật H&B	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Beton 6 - Pro	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng Đầu tư HB	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Balance Holding	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH MTV 3D Long Hậu	Công ty con của Công ty Cổ phần 3D

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.12, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp		
Lãi vay	634.876.667	631.388.333
Công ty Cổ phần Balance holding		
Cho vay	-	100.000.000

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2, V.3, V.4, V.5a, V.14, V.15, V.18, V.19a và V.20a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực xây dựng: xây dựng công trình.
- Lĩnh vực sản xuất: sản xuất bê tông các loại như: cọc ống, cọc vuông, dầm, ván ép.
- Lĩnh vực khác: bán vật tư, dịch vụ lao phóng và vận chuyển.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 Công ty tiếp tục bị lỗ 194.855.362.292 VND và khoản lỗ lũy kế đến ngày 30 tháng 6 năm 2020 là 619.463.518.243 VND. Ngoài ra, tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 576.637.078.591 VND. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ngày 09 tháng 12 năm 2019 Công ty đã có đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản gửi Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương do Công ty đã bị mất khả năng thanh toán và không có khả năng để thanh toán những khoản nợ đến hạn cho các chủ nợ là các tổ chức tín dụng và nhà cung cấp, đối tác. Ngày 16 tháng 01 năm 2020, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã có Quyết định số 01/2020/QĐ-MTTPS về việc mở thủ tục phá sản đối với Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN BETON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Nguyễn Thị Ngọc Trâm
Người lập/Kế toán trưởng



Lê Nguyễn Phương
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN BETON 6

Địa chỉ: Km 1877 quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Kỳ này	Lĩnh vực xây dựng	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	7.608.422.727	30.692.111.233	3.116.425.504	-	41.416.959.464
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.608.422.727	30.692.111.233	3.116.425.504	-	41.416.959.464
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(12.120.344.002)	(3.124.093.027)	2.061.482.775	-	(13.182.954.254)
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(154.118.145.850)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					(167.301.100.104)
Doanh thu hoạt động tài chính					654.864.903
Chi phí tài chính					(26.052.667.862)
Thu nhập khác					58.321
Chi phí khác					(2.156.517.550)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					(194.855.362.292)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	-	-	-
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	4.530.797.855	35.046.321	-	4.565.844.176
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	13.113.636.446	71.532.413.633	-	84.646.050.079

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877 quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Kỳ trước	Lĩnh vực xây dựng	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	-	19.811.582.589	2.248.716.378	-	22.060.298.967
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	19.811.582.589	2.248.716.378	-	22.060.298.967
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	-	(9.698.805.704)	1.330.700.365	-	(8.368.105.339)
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	(6.271.724.559)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	(14.639.829.898)
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	664.929.550
Chi phí tài chính	-	-	-	-	(26.064.097.367)
Thu nhập khác	-	-	-	-	4.000.000.000
Chi phí khác	-	-	-	-	(381.162.455)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(9.698.805.704)	1.330.700.365	-	(8.368.105.339)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	-	-	(36.420.160.170)
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	5.154.704.588	-	-	5.154.704.588
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	286.891.325	-	-	-	286.891.325

CÔNG TY CỔ PHẦN BETON 6

Địa chỉ: Km 1877 quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Số cuối kỳ	Lĩnh vực xây dựng	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Tài sản trực tiếp của bộ phận	93.458.143.348	142.369.343.257	46.702.763.629	-	312.624.666.827
Tài sản phân bổ cho bộ phận		113.256.226.569	363.400.843	-	113.619.627.412
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					291.588.386.735
Tổng tài sản					717.832.680.974
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	53.781.657.055	43.390.702.172	10.238.343.130	-	107.410.702.357
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					827.986.611.723
Tổng nợ phải trả					935.397.314.080
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	153.412.674.891	156.746.765.457	30.219.184.195	-	340.378.624.543
Tài sản phân bổ cho bộ phận		117.571.342.279	401.613.831	-	117.972.956.110
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					432.237.886.798
Tổng tài sản					890.589.467.451
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	71.799.095.811	42.457.754.978	11.450.453.420	-	125.707.304.209
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					787.591.434.056
Tổng nợ phải trả					913.298.738.265

Bình Dương, ngày 01 tháng 6 năm 2021



Nguyễn Thị Ngọc Trâm
Kế toán trưởng/Người lập

Lê Nguyễn Phương
Tổng Giám đốc

